

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2025/HS-PT
Ngày 05 tháng 11 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quân và ông Phạm Văn Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 234/2025/HS-PT ngày 10/10/2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2025/HS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá, bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Văn T sinh năm 1987 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: thôn T, xã H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 038087012864; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Trịnh Thị Y; có vợ là Đặng Thị Mai T1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; có mặt.

Trong vụ án có 01 bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/12/2024, Cục Q1 phát hiện Nguyễn Thị H và Nguyễn Văn T có hành vi liên quan đến việc tổ chức cho 03 trường hợp Lương Văn N, Nguyễn Thị K và Lê Ngọc T2 xuất cảnh đi đảo J, Hàn Quốc theo diện du lịch nhằm trốn ở lại lao động.

Ngày 15/4/2025, H và T đầu thú khai nhận hành vi tổ chức cho các trường hợp trên xuất cảnh đi đảo J, Hàn Quốc theo diện du lịch sau đó trốn ở lại lao động, cụ thể như sau:

Năm 2017, H đăng ký thành lập Công ty TNHH H3, hoạt động trong lĩnh vực tư vấn du học do H làm giám đốc. Khoảng tháng 8/2024, H được anh Hà Đình

H1 giới thiệu làm quen qua Zalo với một người tên Nguyễn Thùy L1. L1 giới thiệu đang sinh sống tại Hàn Quốc đang có nhu cầu tuyển dụng lao động đi làm việc tại các nước Úc, Hàn Quốc, sau đó L1 và H thống nhất H là người thu hồ sơ, thu tiền của người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động chuyên cho L1 để L1 làm thủ tục cho họ đi xuất khẩu lao động tại Úc hoặc Hàn Quốc. Từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2024, H đã thu hồ sơ của 05 trường hợp, gồm:

Nguyễn Thị K làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc với số tiền 380.000.000đ, K đã đưa cho H 280.000.000đ. Lê Ngọc T2 đi xuất khẩu lao động tại Úc, T2 đã đưa cho H 350.000.000đ. Lê Viết N1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, N1 đã đưa cho H 300.000.000đ. Trần Quang T3 đi xuất khẩu lao động tại Úc, T3 đã đưa cho H 360.000.000đ. Trịnh Duy Q đi xuất khẩu lao động tại Úc, Q đã đưa cho H 350.000.000đ.

Theo yêu cầu của L1, H đã sử dụng 03 tài khoản ngân hàng, chủ tài khoản là H để chuyển tiền của 05 người lao động trên đến số tài khoản của chủ tài khoản Phạm Như Ý với tổng số tiền 1.640.000.000đ. Tuy nhiên, cho đến cuối tháng 11/2024, L1 không làm visa và không đưa trường hợp nào đi xuất khẩu lao động. Đến tháng 12/2024, do người lao động đòi lại tiền, H yêu cầu L1 trả lại tiền nhưng L1 khất lần, không trả tiền nên L1 bàn với H đưa người lao động sang đảo J, Hàn Quốc bằng hình thức đi du lịch rồi trốn ở lại để lao động trong nhà hàng của L1 hoặc L1 bố trí công việc cho họ làm, sau đó L1 nói với H sẽ làm giấy tờ G1 (một loại thị thực tại Hàn Quốc) để mọi người ở lại lao động hợp pháp. H đồng ý với L1 sẽ đưa một số lao động đi theo con đường du lịch sang đảo J để L1 sắp xếp công việc cho họ nhằm giảm áp lực khi người lao động đang đòi tiền lại. H đã thông báo lại cho người lao động được biết và đã tổ chức 02 lần cho 06 người sang Hàn Quốc đi theo diện du lịch sau đó trốn ở lại lao động, cụ thể:

Lần 1: Ngày 25/12/2024, H đưa Nguyễn Thị K, Lê Viết N1, Trần Quang T3, Trịnh Duy Q và Lê Ngọc T2 từ Thanh Hóa ra H, H liên hệ với một người tên Phùng Thị Bích N2 mua vé máy bay khứ hồi cho K, T3, Q và N1 để xuất cảnh đến Jeju theo diện du lịch. H chở mọi người đến sân bay N, đưa cho mỗi người một tờ giấy ghi lịch trình các điểm tham quan du lịch tại đảo J, yêu cầu mọi người học thuộc để trả lời cơ quan chức năng khi nhập cảnh vào Hàn Quốc và đưa thông tin, địa chỉ khách sạn tại đảo J. Ngoài ra, H nói với K đóng giả là người yêu của T3 để thuận lợi cho việc nhập cảnh vào đảo J. Đối với T2 do không mua được vé máy bay nên tiếp tục ở lại Hà Nội chờ Hoàn đặt vé máy bay.

Ngày 27/12/2024, K, T3, Q và N1 đến đảo J nhưng khi làm thủ tục nhập cảnh, cơ quan chức năng nghi ngờ mục đích nhập cảnh của T3 và K nên không cho nhập cảnh, buộc quay lại Việt Nam. Lúc này, K điện cho H, H liên hệ với L1 để L1 cho người đến đón N1 và Q và bảo lãnh cho K và T3 nhập cảnh, nhưng không có ai đến đón nên N1 và Q đã tự liên hệ với bạn bè để tìm việc làm tại Hàn Quốc, đến nay chưa về Việt Nam, còn K và T3 quay về Việt Nam vào ngày 28/12/2024 và

đến gặp H tại Hà Nội. Tại đây, H thông qua mạng xã hội đã liên hệ với một người tên Nguyễn Mạnh H2 mua vé máy bay khứ hồi và đặt phòng khách sạn cho K để K tiếp tục xuất cảnh, còn T3 đi về Thanh Hóa cùng H. Chiều cùng ngày 28/12/2024, K đi đến sân bay N, làm thủ tục xuất cảnh sang Jeju. Khi đến Hàn Quốc, K bị từ chối nhập cảnh, buộc quay về Việt Nam vào ngày 31/12/2024.

Lần 2: Ngày 25/12/2024, được Nguyễn Thị Kim L2 trao đổi và cho Nguyễn Văn T số điện thoại của H nên T đã liên lạc với H và trao đổi việc đặt vé máy bay cho trường hợp Lương Văn N để N xuất cảnh sang đảo J theo diện du lịch sau đó trốn ở lại lao động. Đến ngày 27/12/2024 H liên hệ với Phùng Thị Bích N2 mua vé máy bay khứ hồi cho Lê Ngọc T2 và N. H yêu cầu T2 và N học thuộc lịch trình tour du lịch tại đảo J để trả lời cơ quan chức năng khi nhập cảnh. Sau đó, H chở T2 và N đến S thủ tục xuất cảnh sang đảo J. Khi T2 và N làm thủ tục nhập cảnh, cơ quan chức năng nghi ngờ mục đích nhập cảnh và không cho T2 và N nhập cảnh, buộc quay về Việt Nam vào ngày 31/12/2024.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn T: Khoảng cuối năm 2022, T nhận làm thủ tục hồ sơ cho Lương Văn N đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc theo diện lao động có tay nghề với số tiền 17.000 USD. Nộp đưa hồ sơ và số tiền 242.000.000đ cho T. Thông qua Trịnh Thị Đ để chuyển hồ sơ của N cho một người tên Nguyễn Thùy L1 để L1 làm thủ tục, T đã chuyển tiền cho L1 qua tài khoản chủ tài khoản Phạm Như Ý. Đến tháng 12/2024, L1 trao đổi với T đưa N đến đảo J theo diện du lịch rồi trốn ở lại làm việc trong nhà hàng của L1, sau đó L1 xin visa để N ở lại Hàn Quốc lao động hợp pháp. Tuy nhiên, N không được nhập cảnh vào Hàn Quốc.

Đối với một số cá nhân có liên quan trong vụ án cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ. Lương Văn N yêu cầu T phải trả số tiền N đã đưa cho T. T đã trả 30.000.000đ, số tiền còn lại N không yêu cầu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2025/HSST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hoá đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài*”. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 349; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của BLHS xử phạt H 07 năm tù. Căn cứ khoản 1 Điều 349; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt T 01 năm tù.

Ngoài ra, bản sơ thẩm còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/9/2025, bị cáo T có đơn kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: bị

cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính trong gia đình, phạm tội lần đầu, thực sự ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của BLTTHS: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo

Bị cáo T không bào chữa hoặc tranh luận gì khác, lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo được cải tạo tại địa phương trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, của người có liên quan, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan, đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian tháng 8/2024, H và L2 thống nhất H là người nhận hồ sơ, thu tiền của người có nhu cầu đi xuất khẩu lao động chuyển cho L2 để L2 làm thủ tục cho người lao động. Từ tháng 8/2024 đến tháng 11/2024, H đã thu hồ sơ, tiền của 05 trường hợp để làm thủ tục xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, tuy nhiên đến cuối tháng 11/2024 Liên thông báo không làm được visa nên L2 và H thống nhất đưa người lao động sang Hàn Quốc bằng hình thức đi du lịch rồi trốn ở lại lao động. Đến ngày 25/12/2024, H đã tổ chức cho 04 trường hợp gồm Lê Viết N1, Trịnh Duy Q, Nguyễn Thị K và Trần Quang T3 và ngày 27/12/2024, tổ chức cho 02 trường hợp Lê Ngọc T2 và Lương Văn N xuất cảnh đi Hàn Quốc theo diện du lịch sau đó trốn ở lại lao động. Đối với trường hợp N1 và Q đã sang được Hàn

Quốc, các trường hợp K, T2, T3 và N cơ quan chức năng từ chối không cho nhập cảnh.

Nguyễn Văn T theo hướng dẫn của Nguyễn Thị Kim L2 đã có hành vi nhận tiền, làm thủ tục hồ sơ cho 01 trường hợp Lương Văn N, được L1 (L2) cho số điện thoại của H để hướng dẫn N đến gặp H trực tiếp liên hệ với H để H đặt vé máy bay và đưa N đến sân bay làm thủ tục xuất cảnh vào ngày 27/12/2024 để đi Hàn Quốc du lịch sau đó trốn ở lại lao động nhưng không nhập cảnh được.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội *“Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”* theo khoản 1 Điều 349 của BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình.

Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, động cơ mục đích của tội phạm là nhằm vụ lợi. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt 01 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho anh N số tiền 30.000.000đ, số tiền còn lại anh N không yêu cầu. Trước khi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra, giai đoạn trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã ủng hộ quỹ xây dựng địa phương; có xác nhận của chính quyền địa phương về việc quá trình sinh sống luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước; hoàn cảnh gia đình gia đình khó khăn, hiện đang nuôi anh trai bị tàn tật.

Xét thấy, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ mà không bị áp dụng tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của BLTTHS, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương, tạo cơ hội để bị cáo sửa chữa lỗi lầm và trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 NQ 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14, bị cáo kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Căn cứ vào:* Điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của BLTTHS: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 43/2025/HS-ST ngày 08/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thanh Hoá, giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 349; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS. Điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Thanh Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Án phí:* Bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hoá
- CA tỉnh Thanh Hoá;
- CQ THAHS Công an tỉnh;
- Tòa án ND KV 1;
- Viện kiểm sát ND KV 1;
- Phòng THADS KV 1;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ; Toà Hình sự; HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Hà